TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Huỳnh Kim Thái Long

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2 tòa nhà R, số 09 đường Đ, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T, chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ - Khối quản trị rủi ro – Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V (Văn bản ủy quyền số 14/UQ-QTRR ngày 22/3/2017).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thảo: Chị Vỏ Thị Ngọc Ng, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018) (có mặt).

Bị đơn: Anh Trương Thành T, sinh năm 1989

Địa chỉ cư trú: Ấp 5A, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V do chị Vỏ Thị Ngọc Ng là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngày 22/01/2016, anh Trương Thành T có ký hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-2811 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Công ty tài chính) vay số tiền 41.149.501 đồng với lãi suất thoả thuận 3,33%/tháng, mục đích vay tiền là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh Trương Thành T có trách nhiệm thanh toán số tiền 71.693.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả dần liên tiếp trong vòng 36 tháng, theo đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.980.000đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.393.000 đồng. Anh T có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 01 tây hàng tháng. Bắt đầu từ tháng 3 năm 2016.

Thực hiện hợp đồng, anh T đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính được 09 kỳ với tổng số tiền là 23.840.000 đồng. Kể từ ngày 15/01/2018, anh T không thanh toán cho Công ty tài chính thêm bất kỳ khoản vay lãi và gốc nào mặc dù Công ty tài chính đã nhắc nhở nhiều lần.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2018 Công ty tài chính khởi kiện yêu cầu anh Trương Thành T phải trả cho Công ty tài chính một lần số tiền nợ là: 47.853.000 đồng (trong đó nợ gốc là 30.062.928 đồng và nợ lãi 17.790.072 đồng, trong đó lãi đến hạn là 16.444.435 đồng, nợ lãi chưa đến hạn là 1.345.637 đồng), tại phiên tòa sơ thẩm Công ty tài chính thay đổi yêu cầu khởi kiện là Công ty tài chính yêu cầu anh Trương Thành T phải có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính một lần số tiền nợ là: 46.507.363 đồng (trong đó nợ gốc là 30.062.928 đồng và nợ lãi đến hạn tính đến ngày 01/8/2018 là 16.444.435 đồng, Công ty tài chính không yêu cầu anh T phải trả số tiền lãi chưa đến hạn.

Bị đơn anh Trương Thành T trình bày:

Ngày 22/01/2016, anh có ký hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-2811 với Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V vay số tiền 41.149.501 đồng với lãi suất thoả thuận 3,33%/tháng, mục đích vay tiền là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh có trách nhiệm thanh toán số tiền 71.693.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả dần liên tiếp trong vòng 36 tháng, theo đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.980.000đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.393.000 đồng. Anh có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 05 tây hàng tháng. Bắt đầu từ tháng 3/2016.

Thực hiện hợp đồng, anh đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính được 09 kỳ với tổng số tiền là 23.840.000 đồng. Kể từ ngày 15/01/2018, do kinh tế khó khăn phải lo cho cha và con nhỏ nên anh không thanh toán cho Công ty tài chính thêm bất kỳ khoản vay lãi và gốc nào.

Nay Công ty tài chính yêu cầu anh thanh toán cho Công ty tài chính một lần số tiền nợ bao gồm: Toàn bộ khoản nợ là: 46.507.363 đồng (trong đó nợ gốc là 30.062.928 đồng và nợ lãi đến hạn tính đến ngày 01/8/2018 là là 16.444.435 đồng) anh đồng ý nhưng hiện do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến hết số nợ trên. Số nợ này là của cá nhân anh không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-2811 giữa Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V với anh Trương Thành T. Xét thấy, đây là hợp đồng vay vốn dưới hình thức là hợp đồng tín dụng, cá nhân anh T là người ký hợp đồng với Công ty tài chính, hợp đồng có hiệu lực, anh T đã nhận đủ tiền nên anh T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, tiền lãi, và các khoản khác theo thỏa thuận tại hợp đồng. Việc anh T không tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính từ ngày 15/01/2018 đến nay đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận còn nợ Công ty tài chính số tiền 46.507.363 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên nhưng đại diện của của Công ty tài chính không đồng ý. Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính yêu cầu anh T phải thanh toán bộ nợ gốc và nợ lãi đến hạn là có cơ sở, buộc anh T phải thanh toán một lần cho Công ty tài chính số tiền 46.507.363 đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa Công ty tài chính không yêu cầu đối với phần lãi chưa đến hạn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu anh Trương Thành T phải thanh toán số tiền nợ vay là 46.507.363 đồng theo hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-2811 ngày 22/01/2016. Do tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn là anh Trương Thành T có nơi cư trú vào thời điểm xác lập hợp đồng tại ấp 5A, xã L, huyện B, tỉnh Long An nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh Trương Thành T phải trả số tiền 47.853.000 đồng mà chỉ yêu cầu anh T trả số tiền 46.507.363 đồng. Việc thay đổi

yêu cầu khởi kiện của đại diện Công ty tài chính không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-2811 ngày 22/01/2016 giữa Công ty tài chính với anh Trương Thành T được xác lập theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp và là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Tại mục 6.2 Điều 6 của văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-2811 ngày 22/01/2016 hai bên có thỏa thuận: Công ty tài chính có quyền chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo cho bên vay và yêu cầu bên vay thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ quy định nào của hợp đồng. Từ ngày 15/01/2018 đến nay, anh T không thanh toán cho Công ty tài chính bất cứ khoản tiền nào như đã cam kết, nên vi phạm mục 7.1 Điều 7 của văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/01/2016 mà anh đã ký kết với Công ty tài chính nên Công ty tài chính có quyền khởi kiện để thu hồi toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức.

[2.3] Đối với yêu cầu của Công ty tài chính yêu cầu anh T thanh toán số tiền là 46.507.363. Thấy rằng việc anh T không tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính từ ngày 15/01/2018 đến nay đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận còn nợ Công ty tài chính số tiền 46.507.363 đồng và đồng ý hoàn trả số tiền này. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với toàn bộ khoản nợ gốc gồm nợ gốc tới hạn, nợ gốc chưa tới hạn và toàn bộ khoản nợ lãi tới hạn là có căn cứ, phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét trình bày của anh T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 46.507.363 đồng, thấy rằng: Yêu cầu này của anh T không được đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm thi hành án: Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty tài chính nên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty tài chính mà anh T vẫn chưa thanh toán thì ngoài tổng số tiền phải trả theo yêu cầu của Ngân hàng thì anh T còn phải chịu thêm tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trương Thành T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V.

Buộc anh Trương Thành T có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền là 46.507.363đồng (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc anh Trương Thành T phải chịu 2.325.368 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng V số tiền 1.196.325 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006513 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- Chi cục THA huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu HS, Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trần Thị Thanh Thúy